

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C
có tổng mức đầu tư dưới 05 tỷ đồng thuộc Chương trình mục tiêu
quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014; Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Công văn số 916/BKHĐT-TH ngày 05/02/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thông báo số kiểm tra kế hoạch vốn đầu tư trung hạn nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; Công văn số 8268/BKHĐT-KTNN ngày 07/10/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 26/9/2011 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định một số vấn đề về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quản lý đầu tư xây dựng công trình sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1694/SKHĐT-KT ngày 14/10/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C có tổng mức đầu tư dưới 05 tỷ đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Kon Tum, với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ có tổng mức đầu tư dưới 05 tỷ đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Dự án nhóm: Nhóm C, quy mô nhỏ.

3. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND các huyện, thành phố.

4. Chủ đầu tư: UBND các xã trên địa bàn tỉnh.

5. Địa điểm thực hiện dự án: Trên địa bàn các xã của tỉnh.

6. Mục tiêu đầu tư: Nhằm từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Thúc đẩy phát triển sản xuất bền vững, theo hướng sản xuất hàng hoá, khai thác tốt các thế mạnh của địa phương; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp với tình hình thực tế nhằm chuyển đổi cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả theo quy hoạch; tập trung xây dựng nông thôn mới; nâng cao dân trí; bảo đảm vững chắc an ninh, quốc phòng.

7. Quy mô đầu tư, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn: Tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

8. Nguồn vốn đầu tư: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

9. Thời gian, tiến độ thực hiện: Từ năm 2017.

10. Hình thức quản lý dự án: Theo quy định hiện hành.

Điều 2. Giao UBND các huyện, thành phố tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự án và triển khai thực hiện theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan.

Điều 3. Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, PVP(KT);
- Lưu: VT, KT₆, NNTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hòa

Phụ lục

DANH MỤC DỰ ÁN NHÓM C CÓ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DƯỚI 5 TỶ ĐỒNG THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của UBND tỉnh Kon Tum)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Tổng mức đầu tư			Dự kiến kế hoạch vốn từ năm 2017									Ghi chú
							Trong đó									
				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Dự kiến kế hoạch năm 2017			Dự kiến kế hoạch từ năm 2018			
					NSTW	Nguồn huy động, vốn khác		NSTW	Nguồn huy động, vốn khác	Tổng số	NSTW	Nguồn huy động, vốn khác	Tổng số	NSTW	Nguồn huy động, vốn khác	
A	B	C	D	1	2	3	4=5+6	5=8+11	6=9+12	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13
	TỔNG CỘNG			62.883	51.492	11.391	62.883	51.492	11.391	24.371	19.514	4.857	38.512	31.978	6.534	
I	Huyện Đắk Glei	Đắk Glei		10.948	9.910	1.038	10.948	9.910	1.038	3.941	3.568	374	7.007	6.342	664	
1	Đường GTNT nội thôn Pêng Blong xã Đắk Long	Đắk Glei	L=1000m, Bn=4m, Bm=3m, Đường BTXM													
2	Đường GTNT nội thôn Đắk Trấp xã Đắk Pék	Đắk Glei	L=1000m, Bn=4m, Bm=3m, Đường BTXM													
3	Đường GTNT nội thôn Pêng Lang xã Đắk Blô	Đắk Glei	L=1000m, Bn=4m, Bm=3m, Đường BTXM													
4	Đường GTNT Nội thôn thôn Đắk Rế xã Mường Hoong	Đắk Glei	L=350m, Bn=4m, Bm=3m, Đường BTXM													
5	Đường GTNT Nội thôn Đắk Bôi xã Mường Hoong	Đắk Glei	L=450m, Bn=4m, Bm=3m, Đường BTXM													
6	Đường GTNT Tu Chiêu - Đắk Ia xã Ngọc Linh	Đắk Glei	L=1250m, Bn=4m, Bm=3m, Đường BTXM													
7	Đường GTNT nội thôn Xốp Dùi xã Xốp	Đắk Glei	L=400m, Bn=4m, Bm=3m, Đường BTXM													
8	Đường GTNT nội thôn Tân Đum xã Xốp	Đắk Glei	L=510m, Bn=4m, Bm=3m, Đường BTXM													
9	Thủy lợi suối Đắk Tum thôn Đông Lốc xã Đắk Man	Đắk Glei	Xây mới kênh mương L=700m, cung cấp nước tưới cho 1ha lúa													
10	Thủy lợi Đắk Xnoong xã Đắk Choong	Đắk Glei	Xây mới kênh mương L=700m, cung cấp nước tưới cho 5ha lúa													
11	Xây dựng mới trường MN thôn Đắk Ga xã Đắk Nhoong	Đắk Glei	01 phòng học S=37,6m2 và các hạng mục phụ trợ													
12	Nhà rông thôn Xa Úa và thôn Tu Chiêu A xã Mường Hoong	Đắk Glei	S=35m2/nhà rông													
13	Sân thể thao 03 thôn (Nú Vai, Đắk Bo, Đắk WẮk) xã Đắk Kroong	Đắk Glei	Sân bóng chuyền 12 người. Rộng: 8m, dài 18m													
14	Sân thể thao các thôn Tân Đum, Xốp Dùi xã Xốp	Đắk Glei	Sân bóng đá 7 người. Rộng: 55m, dài 75m													
15	Đường GTNT nội thôn Măng Tách xã Đắk Long	Đắk Glei	Đường GTNT loại C, L=460m, Đầu tư nền, mặt đường BTXM và công trình thoát nước													

TT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Tổng mức đầu tư			Dự kiến kế hoạch vốn từ năm 2017									Ghi chú
							Tổng số	Trong đó		Trong đó						
				Dự kiến kế hoạch năm 2017						Dự kiến kế hoạch từ năm 2018						
				Tổng số	NSTW	Nguồn huy động, vốn khác		Tổng số	NSTW	Nguồn huy động, vốn khác	Tổng số	NSTW	Nguồn huy động, vốn khác			
16	Đường GTNT Pêng Sal Pêng xã Đăk Pék	Đăk Gle	Đường GTNT loại C, L=370m, Đầu tư nền, mặt đường BTXM và công trình thoát nước													
17	Đường GTNT nội thôn nhóm 1 và nhóm 2 thôn Đăk Nhoong xã Đăk Nhoong	Đăk Gle	Đường GTNT loại C, L=365m, Đầu tư nền, mặt đường BTXM và công trình thoát nước													
18	Xây dựng đường mương thủy lợi Đăk Tnoong thôn Liêm Răng xã Đăk Choong	Đăk Gle	L=615m													
19	Đường nội thôn thôn Kon Liêm xã Xốp	Đăk Gle	Đường GTNT loại C, L=365m, Đầu tư nền, mặt đường BTXM và công trình thoát nước													
20	Đường GTNT nội thôn Làng Mới từ nhà A Loa đến nhà A Bô xã Mưong Hoong	Đăk Gle	Đường GTNT loại C, L=465m, Đầu tư nền, mặt đường BTXM và công trình thoát nước													
21	Trường mầm non cụm Tu Chiêu xã Ngọc Linh	Đăk Gle	01 phòng học + 01 nhà nghỉ giáo viên													
22	Đường nội thôn Măng Khên từ nhà A Hơ đến nhà A Vương	Đăk Gle	Đường GTNT loại C, L=370m, Đầu tư nền, mặt đường BTXM và công trình thoát nước													
23	Đường GTNT nội thôn Pêng Lang xã Đăk Blô	Đăk Gle	Đường GTNT loại C, L=370m, Đầu tư nền, mặt đường BTXM và công trình thoát nước													
II	Huyện Đăk Hà	Đăk Hà		1.672	1.040	632	1.672	1.040	632	1.672	1.040	632				
1	Trường tiểu học 30/4 điểm trường thôn Đăk Kđem; Hạng mục: Nhà vệ sinh, Trụ cổng trường rào	Đăk Hà	Nhà vệ sinh s=10,5m2; Trường rào L=134m													
2	Nhà Rông thôn Kon Rôn xã Ngọc Rêo	Đăk Hà	S=102m2													
3	Công trình: Điểm trường thôn Đăk Kơ Ne xã Đăk Long; Hạng mục: Cổng trường rào; Sân bê tông; Sửa chữa lớp học và các khu phụ trợ	Đăk Hà	Tường rào dài 200m; Sân bê tông 1.500m2; Sửa chữa lớp học 369m2													
III	Huyện Đăk Tô	Đăk Tô		1.201	941	260	1.201	941	260	1.201	941	260				
1	Đường ngang thôn Đăk Dê	Đăk Tô	Đường GTNT, L=125m													
2	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Xanh	Đăk Tô	Đường GTNT, L=1.500m													
3	Đường nội thôn Thôn Đăk Hà	Đăk Tô	Đường GTNT, L=75m													

TT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Tổng mức đầu tư			Dự kiến kế hoạch vốn từ năm 2017									Ghi chú
							Tổng số	Trong đó		Trong đó						
				Tổng số	Dự kiến kế hoạch năm 2017					Dự kiến kế hoạch từ năm 2018						
					Tổng số	NSTW		Nguồn huy động, vốn khác	Tổng số	NSTW	Nguồn huy động, vốn khác	Tổng số	NSTW	Nguồn huy động, vốn khác		
4	Nhà rông thôn Tê Pen	Đăk Tô	01 nhà rông													
5	Sửa chữa kênh bê tông thôn Đăk Dé	Đăk Tô	L=240m													
IV	Huyện Ia H'Drai	Ia H'Drai		3.960	3.910	50	3.960	3.910	50	1.188	1.173	15	2.772	2.737	35	
1	Đường giao thông nông thôn nội bộ thôn 1 xã Ia Toi - NT1	Ia H'Drai	Đường GTNT loại C, Đầu tư nền, mặt đường BTXM													
2	Đường giao thông nông thôn nội bộ thôn 1 xã Ia Dom - NT2	Ia H'Drai	Đường GTNT loại C, Đầu tư nền, mặt đường BTXM													
3	Đường giao thông nông thôn nội bộ thôn 1 xã Ia Đal - NT3	Ia H'Drai	Đường GTNT loại C, Đầu tư nền, mặt đường BTXM													
4	Đường GTNT nội bộ thôn 1 xã Ia Toi	Ia H'Drai	Đường GTNT loại C, L= 533 m, mặt 2m, nền 3m, Đầu tư nền, mặt đường BTXM													
5	Đường GTNT thôn 2 xã Ia Dom (Điểm dân cư mới)	Ia H'Drai	Đường GTNT loại C, L= 400 m, mặt 2m, nền 3m, Đầu tư nền, mặt đường BTXM													
6	Đường GTNT thôn 4 xã Ia Đal (trung tâm hành chính xã)	Ia H'Drai	Đường GTNT loại C, L= 400 m, mặt 2m, nền 3m, Đầu tư nền, mặt đường BTXM													
V	Huyện Kon Plông	Kon Plông		12.495	9.783	2.712	12.495	9.783	2.712	3.998	3.131	868	8.497	6.652	1.844	
1	Đường GTNT Thôn Kon Xứ	Kon Plông	Chiều dài L=800m; Bn=3m; Bm=2m; Cấp công trình: cấp IV; kết cấu mặt đường: BTXM M200 đá 2x4cm dày 14cm.	800	800		776	776		776	776		776	776		
2	Đường đi khu sản xuất kon Chênh đi Tu Răng	Kon Plông	Chiều dài L=2.000m; Bn=5m; Bm=3m; Cấp công trình: cấp IV; kết cấu mặt đường: BTXM M200 đá 2x4cm dày 14cm.	2.700	2.700		776	776		776	776		776	776		
3	Sửa chữa nhà văn hóa xã Pờ Ê	Kon Plông	Thực hiện theo Quyết định 991/QĐ-UBND	99	99		99	99		99	99		99	99		
4	Đường đi khu sản xuất Nước Leng.	Kon Plông	Chiều dài L=455m; Bn=3m; Bm=2m; Cấp công trình: cấp IV; kết cấu mặt đường: BTXM M200 đá 2x4cm dày 14cm.	476	476		476	476		476	476		476	476		
5	Đường GTNT thôn Đăk Lom	Kon Plông	Chiều dài L=300m; Bn=3m; Bm=2m; Cấp công trình: cấp IV; kết cấu mặt đường: BTXM M200 đá 2x4cm dày 14cm.	330	330		330	330		330	330		330	330		

TT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Tổng mức đầu tư			Dự kiến kế hoạch vốn từ năm 2017									Ghi chú
							Tổng số	Trong đó		Trong đó						
				Dự kiến kế hoạch năm 2017						Dự kiến kế hoạch từ năm 2018						
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					
NSTW	Nguồn huy động, vốn khác	NSTW	Nguồn huy động, vốn khác		NSTW	Nguồn huy động, vốn khác										
6	Đường GTNT từ làng Nước niêu đi làng Đăk Sao	Kon Plông	Chiều dài L=300; Bn=4m; Bm=3m; Cấp công trình: cấp IV; kết cấu mặt đường: BTXM M200 đá 2x4cm dày 14cm.	470	470		470	470		470	470		470	470		
7	Đường đi khu SX thôn Vác Y Nhông	Kon Plông	Chiều dài L=500; Bn=3m; Bm=2m; Cấp công trình: cấp IV; kết cấu mặt đường: BTXM M200 đá 2x4cm dày 14cm.	500	500		500	500		500	500		500	500		
8	Đường giao thông từ trung tâm xã đi thôn Măng Bút	Kon Plông	Chiều dài L=800; Bn=5m; Bm=3m; Cấp công trình: cấp IV; kết cấu mặt đường: BTXM M200 đá 2x4cm dày 14cm.	1.600	1.600		970	970		970	970		970	970		
9	Kênh mương thủy lợi thôn Vi Rơ Ngheo	Kon Plông	Chiều dài tuyến kênh L=300m	410	410		410	410		410	410		410	410		
10	Kênh mương thủy lợi thôn Rô Xia II, III	Kon Plông	Chiều dài tuyến kênh L=500m	500	500		366	366		366	366		366	366		
11	Đường GTNT từ thôn Điek Nót đi thôn Điek Kua	Kon Plông	Chiều dài L=700m; Bn=4m; Bm=3m; Cấp công trình: cấp IV; kết cấu mặt đường: BTXM M200 đá 2x4cm dày 14cm.	970	970		970	970		970	970		970	970		
12	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk lúp	Kon Plông	Chiều dài L=300m; Bn=3m; Bm=2m; Cấp công trình: cấp IV; kết cấu mặt đường: BTXM M200 đá 2x4cm dày 14cm.	300	300		300	300		300	300		300	300		
13	Đường đi khu sản xuất thôn Xô Luông	Kon Plông	Chiều dài L=670m; Bn=3m; Bm=2m; Cấp công trình: cấp IV; kết cấu mặt đường: BTXM M200 đá 2x4cm dày 14cm.	670	670		670	670		670	670		670	670		
14	Đường GTNT thôn KonLeng 1	Kon Plông	L=320m; Bn=3m; Bm=2m; Cấp công trình: cấp IV; kết cấu mặt đường: BTXM M200 đá 2x4cm dày 14cm	320	320		320	320		320	320		320	320		
15	Đường GTNT thôn KonLeng 2	Kon Plông	L=140m; Bn=3m; Bm=2m; Cấp công trình: cấp IV; kết cấu mặt đường: BTXM M200 đá 2x4cm dày 14cm	140	140		140	140		140	140		140	140		
16	Đường GTNT làng Đăk Ngó thôn Đăk Chun	Kon Plông	L=200m; Bn=3m; Bm=2m; Cấp công trình: cấp IV; kết cấu mặt đường: BTXM M200 đá 2x4cm dày 14cm	200	200		200	200		200	200		200	200		
17	Đường GTNT nội thôn Kon Chênh (nhánh 2)	Kon Plông	L=500m; Bn=3m; Bm=2m; Cấp công trình: cấp IV; kết cấu mặt đường: BTXM M200 đá 2x4cm dày 14cm	500	500		500	500		500	500		500	500		
18	Đường GTNT nội thôn Nước Niêu	Kon Plông	L=110m; Bn=3m; Bm=2m; Cấp công trình: cấp IV; kết cấu mặt đường: BTXM M200 đá 2x4cm dày 14cm	110	110		110	110		110	110		110	110		

TT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Tổng mức đầu tư			Dự kiến kế hoạch vốn từ năm 2017									Ghi chú
							Tổng số	Trong đó		Trong đó						
				Tổng số	Trong đó					Dự kiến kế hoạch năm 2017			Dự kiến kế hoạch từ năm 2018			
										Tổng số	NSTW	Nguồn huy động, vốn khác	Tổng số	NSTW	Nguồn huy động, vốn khác	
19	Đường GTNT nội thôn Tăng Pơ	Kon Plông	L=150m; Bn=3m; Bm=2m; Cấp công trình: cấp IV; kết cấu mặt đường: BTXM M200 đá 2x4cm dày 14cm	150	150		150	150		150	150		150	150		
20	Đường GTNT nội thôn Vi Rơ Ngheo	Kon Plông	L=440m; Bn=3m; Bm=2m; Cấp công trình: cấp IV; kết cấu mặt đường: BTXM M200 đá 2x4cm dày 14cm	440	440		440	440		440	440		440	440		
21	Đường GTNT nội thôn Vi Choong	Kon Plông	L=270m; Bn=3m; Bm=2m; Cấp công trình: cấp IV; kết cấu mặt đường: BTXM M200 đá 2x4cm dày 14cm	270	270		270	270		270	270		270	270		
22	Đường GTNT thôn Điek Lò 1	Kon Plông	L=200m; Bn=3m; Bm=2m; Cấp công trình: cấp IV; kết cấu mặt đường: BTXM M200 đá 2x4cm dày 14cm	200	200		200	200		200	200		200	200		
23	Đường GTNT thôn Điek Nót (nhánh 1)	Kon Plông	L=200m; Bn=3m; Bm=2m; Cấp công trình: cấp IV; kết cấu mặt đường: BTXM M200 đá 2x4cm dày 14cm	200	200		200	200		200	200		200	200		
24	Đường đi khu sản xuất thôn Tu Thôn	Kon Plông	L=140m; Bn=3m; Bm=2m; Cấp công trình: cấp IV; kết cấu mặt đường: BTXM M200 đá 2x4cm dày 14cm	140	140		140	140		140	140		140	140		
VI	Huyện Ngọc Hồi	Ngọc Hồi		1.815	1.427	388	1.814	1.427	388	1.814	1.427	388				
1	Đường trục chính nội đồng thôn Dục Nhầy III	Ngọc Hồi	L=455m; Bn=5m; Bm=3,5m; Bm=3,5m; Ble=0,75*2=1,5m; Hệ thống thoát nước dọc;													
2	Nâng cấp, sửa chữa nhà rông thôn Nông Nhầy 1	Ngọc Hồi	Làm sân khấu; Sửa chữa mái, vách nhà rông; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt cột phụ nhà rông.													
3	Nâng cấp, sửa chữa nhà rông thôn Dục Nhầy 2	Ngọc Hồi	Làm sân khấu; Sửa chữa mái, vách nhà rông; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt cột phụ nhà rông.													
4	Nâng cấp, sửa chữa nhà rông thôn Dục Nhầy 3	Ngọc Hồi	Làm sân khấu; Sửa chữa mái, vách nhà rông; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt cột phụ nhà rông.													
5	Nâng cấp, sửa chữa nhà rông thôn Đăk Hú	Ngọc Hồi	Làm sân khấu; Sửa chữa mái, vách nhà rông; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt cột phụ nhà rông.													
6	Nâng cấp, sửa chữa nhà rông thôn Đăk Răng	Ngọc Hồi	Làm sân khấu; Sửa chữa mái, vách nhà rông; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt cột phụ nhà rông.													
7	Đường vào khu sản xuất thôn Đăk Vang (đoạn 1)	Ngọc Hồi	L= 780m; Bn=5m; Bm=3,5m; Ble=0,75*2=1,5m; Hệ thống thoát nước dọc;													

TT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Tổng mức đầu tư			Dự kiến kế hoạch vốn từ năm 2017									Ghi chú
							Tổng số	Trong đó		Trong đó						
				Dự kiến kế hoạch năm 2017						Dự kiến kế hoạch từ năm 2018						
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					
Tổng số	NSTW	Nguồn huy động, vốn khác	Tổng số	NSTW	Nguồn huy động, vốn khác	Tổng số	NSTW	Nguồn huy động, vốn khác	Tổng số	NSTW	Nguồn huy động, vốn khác					
8	Nâng cấp, sửa chữa nhà rông thôn Đăk Blái	Ngọc Hồi	Thay mái tôn, làm vách, làm sàn, xây cầu thang													
9	Nâng cấp, sửa chữa nhà rông thôn Long Dôn	Ngọc Hồi	Thay mái tôn, làm vách, làm sàn, xây cầu thang													
10	Nâng cấp, sửa chữa nhà rông thôn Đăk Giá 1	Ngọc Hồi	Thay mái tôn, làm vách, làm bậc thang													
11	Nâng cấp, sửa chữa nhà rông thôn Đăk Giá 2	Ngọc Hồi	Thay mái tôn, làm vách, làm bậc thang													
12	Nâng cấp, sửa chữa nhà rông thôn Đăk Sút 1	Ngọc Hồi	Thay mái tôn, làm bậc thang													
VII	Huyện Sa Thầy	Sa Thầy		8.923	7.600	1.323	8.923	7.600	1.323	2.766	2.356	410	6.157	5.244	913	
1	Xây dựng 01 phòng học trường mầm non Bình Minh xã Sa Bình	Sa Thầy	DT=140 m2													
2	Lưới điện sinh hoạt Làng Kđin	Sa Thầy	L=1,2 Km													
3	Sửa chữa nước sinh hoạt các làng Rờ Koi, Đăk Đê giai đoạn 2	Sa Thầy	L=3,5 Km													
4	Nâng cấp, sửa chữa đường trục chính, xã Ya Xiêr	Sa Thầy	L=0,25 Km													
5	Xây dựng 01 phòng học Trường mầm non Chim non, xã Ya Ly	Sa Thầy	DT=140 m2													
6	Trường tiểu học Trần Quốc Toản. Hạng mục: Xây dựng 01 phòng học thôn Tân Sang, xã Hơ Moong	Sa Thầy	DT=100 m2													
7	Nâng cấp, sửa chữa đường từ trung tâm xã Ya Tăng đi làng Trấp đoạn Km 1+216 ÷ Km 1+762	Sa Thầy	L=0,35 Km													
8	Xây dựng hệ thống cống thoát nước đường khu nghĩa nhân dân trang xã Sa Nhơn	Sa Thầy														
9	Trung tâm văn hóa xã Sa Bình; Hạng mục: Sân thể thao xã	Sa Thầy	4050m2													
10	Đường nội thôn Khúc Na, xã Sa Bình	Sa Thầy	L=223m													
11	Đường nội làng Chử (đoạn từ nhà ông A Túy đến nhà ông A Mỹ), xã Ya Ly	Sa Thầy	L=148m													
12	Đường nội làng Chờ, xã Ya Ly	Sa Thầy	L=228m													
13	Đoạn nối tiếp làng O (Đoạn từ nhà bà Y Khuynh đến nhà A Nhĩ), xã Ya Xiêr	Sa Thầy	L=330m													

TT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Tổng mức đầu tư			Dự kiến kế hoạch vốn từ năm 2017									Ghi chú
							Tổng số	Trong đó		Trong đó						
				Dự kiến kế hoạch năm 2017						Dự kiến kế hoạch từ năm 2018						
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					
Tổng số	NSTW	Nguồn huy động, vốn khác	Tổng số	NSTW	Nguồn huy động, vốn khác	Tổng số	NSTW	Nguồn huy động, vốn khác	Tổng số	NSTW	Nguồn huy động, vốn khác					
14	Đường nội làng Điệp Lók nhánh số 2 (đoạn từ nhà A Uyn đến nhà A Dot), xã Ya Tăng	Sa Thầy	L=196m													
15	Đường nội làng Trấp, xã Ya Tăng	Sa Thầy	L= 150m													
16	Đường nội làng Đăk Tang (đoạn từ nhà bà Nguyễn Thị Ngoan đến nhà ông Đinh Văn Nhơn), xã Rờ Kơi	Sa Thầy	L= 325m													
17	Đoạn nối tiếp đường nội thôn làng Kđin (Đoạn từ nhà A Blot đến giáp Quốc lộ 14C), xã Mô Rai	Sa Thầy	L= 264m													
18	Đường nội thôn Đăk Wot nhánh số 3, xã Hơ Moong	Sa Thầy	L= 325m													
VIII	Huyện Tu Mơ Rông	Tu Mơ Rông		11.341	10.310	1.031	11.341	10.310	1.031	3.958	3.598	360	7.383	6.712	671	
1	Đường Ty Tu đi KSX Ngô Mông	Tu Mơ Rông	L=3000m, Bn=4m, Bm=3m, Đường BTXM													
2	Đường liên thôn từ Tu cấp đi Đăk ka	Tu Mơ Rông	L=1000m, Bn=4m, Bm=3m, Đường BTXM													
3	Đường nội thôn Tu Thỏ	Tu Mơ Rông	L=700m, Bn=4m, Bm=3m, Đường BTXM													
4	Đường trục chính nội đồng thôn ĐăK Dơn	Tu Mơ Rông	L=2000m, Bn=4m, Bm=3m, Đường BTXM													
5	Đường đi khu TĐC Mô Za	Tu Mơ Rông	L=1100m, Bn=4m, Bm=3m, Đường BTXM													
6	Đường trục chính nội đồng Đăk Kinh 1 (nối tiếp)	Tu Mơ Rông	L=2500m, Bn=4m, Bm=3m, Đường BTXM													
7	Đường trục thôn Đăk Văn 3	Tu Mơ Rông	L=360m, Bn=4m, Bm=3m, Đường BTXM													
8	Đường nội thôn Măng Lở	Tu Mơ Rông	L=610m, Bn=4m, Bm=3m, Đường BTXM													
9	Đường trục chính nội đồng Kon Cung	Tu Mơ Rông	L=700m, Bn=4m, Bm=3m, Đường BTXM													
10	Đường nội thôn Đăk Riếp	Tu Mơ Rông	L=2500m, Bn=4m, Bm=3m, Đường BTXM													
11	Trường MN khu TĐC thôn Tân Ba	Tu Mơ Rông														
12	Sửa chữa nhà rông thôn Đăk Sông	Tu Mơ Rông														
13	Sửa chữa nhà rông thôn Tân Ba	Tu Mơ Rông														
14	Làm mới nhà rông thôn Đăk Viên	Tu Mơ Rông														
15	Làm mới nhà rông thônTu Thỏ	Tu Mơ Rông														
16	Khu thể thao Đăk Sông	Tu Mơ Rông														
17	Khu thể thao Tân Ba	Tu Mơ Rông														

TT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Tổng mức đầu tư			Dự kiến kế hoạch vốn từ năm 2017									Ghi chú
							Tổng số	Trong đó		Trong đó						
				Dự kiến kế hoạch năm 2017						Dự kiến kế hoạch từ năm 2018						
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					
NSTW	Nguồn huy động, vốn khác	Tổng số	NSTW		Nguồn huy động, vốn khác	Tổng số	NSTW	Nguồn huy động, vốn khác								
18	Khu thể thao Đắk Viên	Tu Mơ Rông														
19	Khu thể thao Tu Thỏ	Tu Mơ Rông														
20	Sửa chữa nhà rông thôn Đắk Linh	Tu Mơ Rông														
21	Sửa chữa nhà rông thôn Đắk Văn 1	Tu Mơ Rông														
22	Sửa chữa nhà rông thôn Đắk Văn 3	Tu Mơ Rông														
23	Làm mới Nhà rông Đắk Văn 2	Tu Mơ Rông														
24	Làm mới nhà rông thôn Long Tro	Tu Mơ Rông														
25	Làm mới nhà rông thôn Ba Khen	Tu Mơ Rông														
26	Khu thể thao Đắk Văn 1	Tu Mơ Rông														
27	Làm mới nhà rông thôn Tam Rìng	Tu Mơ Rông														
28	Làm mới nhà rông thôn Long Láy 1	Tu Mơ Rông														
29	Làm mới nhà rông thôn Long Láy 2	Tu Mơ Rông														
30	Làm mới nhà rông thôn Long Láy 3	Tu Mơ Rông														
31	Làm mới nhà rông thôn Ba Tu 1	Tu Mơ Rông														
32	Làm mới nhà rông thôn Ba Tu 2	Tu Mơ Rông														
33	Làm mới nhà rông thôn Ngọc Đo	Tu Mơ Rông														
34	Khu thể thao Tam Rìng	Tu Mơ Rông														
35	Khu thể thao Long Láy 1	Tu Mơ Rông														
36	Khu thể thao Long Láy 2	Tu Mơ Rông														
37	Khu thể thao Long Láy 3	Tu Mơ Rông														
38	Khu thể thao Ba Tu 1	Tu Mơ Rông														
39	Khu thể thao Ba Tu 2	Tu Mơ Rông														
40	Khu thể thao Ngọc Đo	Tu Mơ Rông														
41	Làm mới nhà rông thôn Đắk Prông	Tu Mơ Rông														
42	Làm mới nhà rông thôn Đắk Nông	Tu Mơ Rông														
43	Làm mới nhà rông thôn Kon Hnông	Tu Mơ Rông														
44	Sửa chữa nhà rông thôn Đắk Hnăng	Tu Mơ Rông														
45	Sửa chữa nhà rông thôn Tê Xô Trong	Tu Mơ Rông														
46	Sửa chữa nhà rông thôn Tê Xô Ngoài	Tu Mơ Rông														
47	Sửa chữa nhà rông thôn Đắk Trắng	Tu Mơ Rông														
48	Khu thể thao Đắk Prông	Tu Mơ Rông														
49	Khu thể thao Đắk Nông	Tu Mơ Rông														
50	Khu thể thao Kon HNông	Tu Mơ Rông														
51	Khu thể thao Đắk Hnăng	Tu Mơ Rông														
52	Khu thể thao Tê Xô Trong	Tu Mơ Rông														
53	Khu thể thao Tê Xô Ngoài	Tu Mơ Rông														
54	Khu thể thao Đắk Trắng	Tu Mơ Rông														

TT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Tổng mức đầu tư			Dự kiến kế hoạch vốn từ năm 2017									Ghi chú
							Tổng số	Trong đó		Trong đó						
				Dự kiến kế hoạch năm 2017						Dự kiến kế hoạch từ năm 2018						
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					
NSTW	Nguồn huy động, vốn khác	NSTW	Nguồn huy động, vốn khác		NSTW	Nguồn huy động, vốn khác										
55	Đường GTNT nội thôn Kon Đăk Siêng	Tu Mơ Rông	L=400m, Bn=4m, Bm=3m, Đường BTXM													
56	Đường nội thôn Tu Mơ Rông	Tu Mơ Rông	L=400m, Bn=4m, Bm=3m, Đường BTXM													
57	Đường trục thôn khu ĐC thôn Tân Ba	Tu Mơ Rông	L=800m, Bn=4m, Bm=3m, Đường BTXM													
58	Đường nội thôn Chung Tam (đoạn nối tiếp)	Tu Mơ Rông	L=100m, Bn=4m, Bm=3m, Đường BTXM													
59	Đường trục chính nội đồng thôn Tu Bung	Tu Mơ Rông	L=150m, Bn=4m, Bm=3m, Đường BTXM													
60	Đường nội thôn Ba Khen	Tu Mơ Rông	L=200m, Bn=4m, Bm=3m, Đường BTXM													
61	Đường nội thôn thôn Ba Tu2 (đoạn nối tiếp)	Tu Mơ Rông	L=400m, Bn=4m, Bm=3m, Đường BTXM													
62	Đường nội thôn Đăk Trắng 2	Tu Mơ Rông	L=265m, Bn=4m, Bm=3m, Đường BTXM													
63	Đường đi khu sản xuất Đăk Plò	Tu Mơ Rông	L=900m, Bn=4m, Bm=3m, Đường BTXM													
64	Đường nội thôn Đăk Giá	Tu Mơ Rông	L=700m, Bn=4m, Bm=3m, Đường BTXM													
65	Đường nội thôn Mô Bành 2 (đoạn nối tiếp)	Tu Mơ Rông	L=600m, Bn=4m, Bm=3m, Đường BTXM													
IX	Thành phố Kon Tum	TP Kon Tum		5.778	2.223	3.555	5.778	2.223	3.555	2.311	889	1.422	3.467	1.334	2.133	
1	Đường số 5 thôn Kroong Klah, xã Kroong	TP Kon Tum	Dài: 541m, rộng: 3,5m, dày: 0,16m													
2	Đường nội thôn 1 xã Đăk Cấm	TP Kon Tum	Dài: 300m, rộng: 3,0m, dày: 0,16m													
3	Đường trục thôn số 1 thôn KonRơBàng 1 từ nhà ông Tạo đến khu lò giết mổ gia súc	TP Kon Tum	Dài: 1.000m, rộng: 3,5m, dày: 0,16m													
4	Đường nội thôn Kohra Kortu (từ nhà Along đến nhà A Éch)	TP Kon Tum	Dài: 300m, rộng: 3,0m, dày: 0,16m													
5	Đường trục thôn số 1 thôn Kon Tu 2 từ nhà bà Phước đến nhà ông A BLỗi	TP Kon Tum	Dài: 450m, rộng: 3,5m, dày: 0,16m													
6	Đường trục thôn Măngla Ktu t ừ trụ sở xã đến nhà Y Bong	TP Kon Tum	Dài: 250m, rộng: 3,5m, dày: 0,16m													
7	Đường nội thôn số 1 nội thôn Kon J ơ Ri (từ giọt nước đến sân nhà rông)	TP Kon Tum	Dài: 120m, rộng: 3,0m, dày: 0,16m													
8	Đường số 4 nội thôn Kon Klor (từ nhà A Cầm đến trạm biển áp)	TP Kon Tum	Dài: 750m, rộng: 3,0m, dày: 0,16m													
9	Đường nội thôn số 3 thôn KonTum KơPơng 2 (đoạn từ đất ông Phui đến trường Nguyễn Thái Bình)	TP Kon Tum	Dài: 553m, rộng: 3,0m, dày: 0,16m													
10	Sửa chữa nhà văn hóa thôn 4, xã Chư Hreng	TP Kon Tum														
11	Đường số 5 thôn Kroong Klah xã Kroong	TP Kon Tum	L= 541m, B=3,5m													
12	Đường nội thôn 1 xã Đăk Cấm	TP Kon Tum	L= 300m, B=3m													
13	Đường nội thôn số 2 Mănglaklah từ nhà A Léo đến hết khu dân cư	TP Kon Tum	L= 130m, B=3m													

TT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Tổng mức đầu tư			Dự kiến kế hoạch vốn từ năm 2017									Ghi chú
							Tổng số	Trong đó		Trong đó						
				Dự kiến kế hoạch năm 2017						Dự kiến kế hoạch từ năm 2018						
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					
Tổng số	NSTW	Nguồn huy động, vốn khác	Tổng số	NSTW	Nguồn huy động, vốn khác	Tổng số	NSTW	Nguồn huy động, vốn khác	Tổng số	NSTW	Nguồn huy động, vốn khác					
14	Đường số 4 nội thôn Kon Klor từ nhà A Cầm đến trạm biến áp	TP Kon Tum	L= 750m, B=3m													
X	Huyện Kon Rẫy	Kon Rẫy		4.750	4.348	402	4.750	4.348	402	1.520	1.391	129	3.230	2.957	273	
1	Trường mầm non Hoa Hồng, xã Đắk Tô Re, hạng mục: 02 phòng học	Kon Rẫy	Cấp III													
2	Đường nội đồng thôn 8 xã Đắk Ruồng (đoạn từ nhà ông U Bay đến nhà Ông A Lũ)	Kon Rẫy	Đường GTNT cấp C													
3	Đường bê tông vào trường Mầm non thôn 5B xã Đắk Kôi	Kon Rẫy	Đường GTNT cấp B													
4	Đường bê tông đoạn từ tỉnh lộ 677 đến giáp đường bê tông thôn 5B xã Đắk Kôi	Kon Rẫy	Đường GTNT cấp B													
5	Đường đi khu sản xuất đập Đắk Nam thôn 2, xã Đắk Pnê	Kon Rẫy	Đường GTNT cấp C													
6	Công trình: Đường từ đầu cầu treo đi vào khu dân cư thôn Kon Vi Vàng xã Đắk Tô Lung. Hạng mục: Mặt đường và hệ thống thoát nước.	Kon Rẫy	Đường GTNT cấp B													
7	Đường đi khu sản xuất thôn 6 xã Tân Lập	Kon Rẫy	Đường GTNT cấp C													
8	Đường vào nhà rông thôn 4 xã Đắk Kôi	Kon Rẫy	Đường cấp B, với tổng chiều dài toàn tuyến: L=120m.													
9	Hệ thống thoát nước công trình từ Nhà ông U Hơn vào cổng UBND xã Đắk Kôi	Kon Rẫy	Đường cấp B, với tổng chiều dài toàn tuyến: L=300m.													
10	Đường nội thôn thôn 4 xã Đắk Pnê (đoạn từ km 00+ 150 đến nhà ông A BLênh)	Kon Rẫy	Đường cấp B, với tổng chiều dài toàn tuyến: L= 250m.													
11	Đường giao thông nội làng Kon Long xã Đắk Tô Lung. Hạng mục: Mặt đường và hệ thống thoát thoát nước.	Kon Rẫy	Đường cấp B, với tổng chiều dài tuyến: L= 105m.													
12	Đường giao thông nội thôn thôn 9 xã Đắk Tô Re	Kon Rẫy	Đường cấp B													
13	Đường đi đập Đắk Rơ (tuyến 03) thôn 5 xã Tân Lập	Kon Rẫy	Đường giao thông nông thôn cấp C													
14	Đường từ làng Kon SRệt đi khu sản xuất Đắk Năng thôn 9 xã Đắk Ruồng (đoạn nối tiếp)	Kon Rẫy	Đường giao thông nông thôn cấp C.													